

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Methyl Ethyl Ketone

Mã sản phẩm : S2113

Tên thông thường : butan-2-one, Ethyl methyl ketone, MEK
Số CAS : 78-93-3

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp :
SHELL EASTERN CHEMICALS (S)
A REGISTERED BUSINESS OF SHELL EASTERN
TRADING (PTE) LTD (UEN:198902087C)
9 North Buona Vista Drive , #07-01
The Metropolis Tower 1
Singapore 138588
Singapore

Điện thoại : +65 6384 8737

Telefax : +65 6384 8454

Địa chỉ email liên lạc cho
SDS :

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +65 65429595 (Alert SGS)

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chỉ sử dụng trong các quy trình công nghiệp.

Hạn chế khi sử dụng : Sản phẩm này phải không được sử dụng trong các ứng dụng khác với những ứng dụng trên mà không có lời khuyên của nhà cung cấp.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 2
Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 5
Nguy hại hô hấp : Cấp 2
Kích ứng mắt : Cấp 2A
Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ thần kinh trung ương, Ảnh hưởng của thuốc)

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Cảnh báo nguy hiểm

: **TÁC HẠI VẬT LÝ:**
H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:
H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H305 Có thể gây nguy hiểm nếu nuốt hoặc hít phải.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa

: **Biện pháp phòng ngừa:**
P210 Để xa các nguồn nhiệt/ tia lửa/ lửa/ các bề mặt nóng.
Không hút thuốc.
P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
Biện pháp ứng phó:
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy:
P301 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P331 KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.
P337 + P313 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.
P235 Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

P501 Sản phẩm thải loại và thùng chứa phải được đưa đến nơi xử lý thích hợp hoặc thu hồi / tái chế theo đúng các quy định của địa phương/ quốc gia nơi sử dụng.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Các loại hơi nặng hơn không khí. Hơi có thể chuyển động trên mặt đất và tiếp cận những nguồn gây cháy nổ ở xa gây nên nguy cơ về hỏa hoạn. Thậm chí có tiếp đất và liên kết chính xác, vật liệu này vẫn có thể tích điện tĩnh. Nếu tích đủ điện tích, có thể xảy ra hiện tượng phóng điện tĩnh điện và bắt lửa các hỗn hợp hơi nước-không khí dễ cháy. Sự tiếp xúc có thể làm tăng độc tính của các vật liệu khác. Xem Chương 11 để biết thêm chi tiết. Sự tiếp xúc lặp lại có thể làm khô da hay nứt da.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
Methyl ethyl ketone	78-93-3	Flam. Liq.2; H225 Acute Tox.5; H303 Asp. Tox.2; H305 Eye Irrit.2A; H319 STOT SE3; H336	100

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường. Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần :
Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước.
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.
Vận chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Nếu nuốt phải, đừng cố ói ra: chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm. Nếu xảy ra ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.
Súc miệng.
Nếu xuất hiện các dấu hiệu và triệu chứng sau đây : sốt hơn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

	<p>38.3 (101oF) , thở gấp, tức ngực, ho liên tục hay thở khò khè ; trong vòng 6 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, , nên đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.</p>
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	<p>: Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường. Các dấu hiệu và triệu chứng khi bị kích thích hô hấp có thể bao gồm cảm giác nóng tạm thời ở mũi và cuống họng, bị ho, và/hoặc khó thở.</p> <p>Không có các nguy cơ cụ thể trong những điều kiện sử dụng bình thường.</p> <p>Các dấu hiệu và triệu chứng da bị kích thích có thể là cảm giác bỏng rát, đỏ, hoặc sưng tấy.</p> <p>Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy.</p> <p>Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt, phồng rộp, và/hoặc mờ mắt.</p> <p>Nếu xuất hiện các dấu hiệu và triệu chứng sau đây : sốt hơn 38.3 (101oF) , thở gấp, tức ngực, ho liên tục hay thở khò khè ; trong vòng 6 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, , nên đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.</p> <p>Nếu sản phẩm đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm như ho, ngạt thở, thở khò khè, khó thở, tức ngực, hụt hơi và/hay sốt.</p> <p>Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/hoặc bên ngoài khô/nứt nẻ.</p> <p>Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói. Tiếp tục hít phải sản phẩm có thể bị bất tỉnh hoặc tử vong.</p>
Bảo vệ người sơ cứu	<p>: Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.</p>
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	<p>: Chăm sóc y tế ngay lập tức, điều trị đặc biệt</p> <p>Haỹ ãi khaùm Baùc số hay ãeán trung taâm xõu lỳu chaát ãoãc.</p> <p>Khả năng viêm phổi hóa chất.</p> <p>Xử lý theo triệu chứng.</p>

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	<p>: Bọt chống cồn, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ.</p>
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	<p>: Không có gì</p>
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	<p>: Hơi này nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất và có khả năng bắt cháy từ xa.</p> <p>Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn.</p>

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.
Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469).

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tuân theo tất cả các qui định tương ứng của địa phương và quốc tế.
Thông báo cho nhà chức trách nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với dân chúng hay môi trường hay có thể sẽ có những sự tiếp xúc đó.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Hơi này nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất và có khả năng bắt cháy từ xa.
Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.
- : Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này.
Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây các nguy cơ cho con người. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác.
Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Thận trọng tránh sự phóng thích của tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị.
Thông gió toàn bộ khu vực bị nhiễm.
Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Đối với lượng hóa chất bị đổ nhiều (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe hút tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất tràn bằng nước. Giữ lại xem như là chất thải đã bị nhiễm. Cho các chất tràn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.
Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (< 1 thùng), vận chuyển bởi

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cần bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất đã bị nhiễm và loại bỏ an toàn.

Lời khuyên bổ sung khác : Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này
Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung : Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi sử dụng. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các thiết bị bảo vệ cá nhân, hãy xem Chương 8 của Bảng Dữ Liệu An Toàn Sản Phẩm này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này. Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu. Kho bồn chứa phải được che chắn. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Hiện tượng phóng điện tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục điện bằng cách áp dụng liên kết và tiếp đất (nối đất) tất cả các thiết bị nhằm giảm rủi ro. Hơi nước trong lớp không khí ở giữa của bình chứa có thể nằm trong phạm vi dễ cháy/nổ và vì vậy có thể cháy. Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn. KHÔNG sử dụng khí nén để nạp liệu, xả, hoặc xử lý.

Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.

Vận chuyển Sản phẩm : Tham khảo hướng dẫn trong phần Xử Lý.

Lưu trữ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Hơi này nặng hơn không khí. Hãy cảnh giác sự tích tụ trong các hốc và không gian giới hạn. Tham khảo phần 15 để biết về pháp chế cụ thể khác bao gồm vấn đề bao bì và điều kiện lưu trữ của sản phẩm này.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với các thùng đựng, hay các lớp lót thùng đựng, sử dụng thép mềm, thép không gỉ.
Vật liệu không phù hợp: Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su neopren hay cao su nitril.

Vật liệu phù hợp: Nhôm

Lời khuyên về Thùng chứa : Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.

(Các) Sử dụng cụ thể : Không áp dụng được

Phải đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định của địa phương liên quan đến việc xử lý và cất chứa các phương tiện.
Xem thêm tài liệu tham khảo về các thông lệ xử lý an toàn: American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bắt Lửa Phát Sinh từ Dòng Điện Tĩnh, Dòng Điện Sét và Dòng Điện Tán) hoặc National Fire Protection Agency 77 (Chuẩn Mục Khuyến Nghị về Điện Tĩnh).
IEC TS 60079-32-1 : Nguy cơ điện giật, hướng dẫn

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Methyl ethyl ketone	78-93-3	TWA	150 mg/m ³	VN OEL
Methyl ethyl ketone		STEL	300 mg/m ³	VN OEL
Methyl ethyl ketone	78-93-3	TWA	200 ppm	ACGIH
Methyl ethyl ketone		STEL	300 ppm	ACGIH
Methyl ethyl ketone		TWA	200 ppm 590 mg/m ³	OSHA Z-1

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Không có giới hạn về sinh học.

Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods <http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods <http://www.osha.gov/>

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances <http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany.

<http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Sử dụng các hệ thống được nắp cồng kín cồng tốt.
Đảm bảo sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát nồng độ ngưng đọng trong không khí ở dưới mức độ phơi nhiễm theo hướng dẫn/giới hạn. 0
Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.
Các dụng cụ giám sát cồng mạnh và các hệ thống xịt được kiến nghị sử dụng.
Rửa mắt và tắm vòi sen trong trường hợp sử dụng khẩn cấp.
Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, cồng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.
Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:

Thông tin chung:

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

Bảo vệ hô hấp

: Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.
Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxi, không gian hạn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.
Nếu các thiết bị thở lọc khí thích hợp cho các điều kiện sử dụng:
Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ [điểm sôi >65 °C (149 °F)].

Bảo vệ tay Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ:F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Sự bảo vệ dài hạn hơn: Cao su Butyl Cao su nitril. Sự bảo vệ cho tiếp xúc/Bắn tóe không chủ đích: Găng tay PVC hay găng tay cao su neopren. Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Bảo vệ mắt

: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).
Đeo tấm chắn toàn bộ mặt khi có nguy cơ bị bắn tóe.

Bảo vệ da và cơ thể

: Mặc áo quần giảm tĩnh điện và làm chậm cháy nếu đánh giá rủi ro địa phương cho thấy là như vậy.
Không yêu cầu phải bảo vệ da trong những điều kiện sử dụng bình thường.
Khi có sự tiếp xúc kéo dài hay lặp lại, sử dụng các loại quần áo không thấm cho các phần trên cơ thể phải tiếp xúc.
Nếu có khả năng phơi nhiễm da thường xuyên và/hoặc kéo dài với chất, thì phải mang găng tay thích hợp đã qua kiểm tra EN374 và có các chương trình chăm sóc da dành cho nhân viên.

Các mối nguy do nhiệt

: Không áp dụng được

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Lời khuyên chung : Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.
Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.
Thông tin về các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ có trong phần 6.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : Hóa chất dạng lỏng.

Màu sắc : trong suốt

Mùi đặc trưng : đặc tính

Ngưỡng mùi : Không áp dụng.

Độ pH : Không áp dụng được

Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : -86 °C / -123 °F

Điểm sôi/khoảng sôi : 79.5 °C / 175.1 °F

Điểm cháy : -9 °C / 16 °F

Tỷ lệ hóa hơi : 3.3
Phương pháp: DIN 53170, di-ethyl ether=1

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng được

Giới hạn trên của cháy nổ : 11.5 %(V)

Giới hạn dưới của cháy nổ : 1.8 %(V)

Áp suất hóa hơi : 12.600 Pa (20 °C / 68 °F)

Tỷ trọng hơi tương đối : 2.4 (20 °C / 68 °F)

Tỷ trọng tương đối : 0.804 - 0.806 (20 °C / 68 °F)
Phương pháp: ASTM D4052

Mật độ : 0.804 - 0.806 kg/m³ (20 °C / 68 °F)
Phương pháp: ASTM D4052

Độ hòa tan

Độ hòa tan trong nước : 250 g/l Có thể trộn. (20 °C / 68 °F)

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 0.3

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Nhiệt độ tự bốc cháy	: 515 °C / 959 °F
Nhiệt độ phân hủy	: Không áp dụng.
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: 0.42 mPa.s (20 °C / 68 °F)
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng.
Đặc tính cháy nổ	: Không áp dụng được
Đặc tính ôxy hóa	: Không áp dụng.
Sức căng bề mặt	: 24.8 mN/m, 20 °C / 68 °F
Tính dẫn	: Điện dẫn suất: > 10 000 pS/m Các yếu tố, như nhiệt độ chất lỏng, tạp chất, và chất phụ gia chống tĩnh điện có thể ảnh hưởng lớn đến tính dẫn điện của chất lỏng., Vật liệu này không được cho là bộ tích tĩnh điện.
Kích thước hạt	: Không áp dụng.
Trọng lượng phân tử	: 72.11 g/mol

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây.
Tính ổn định	: Dự kiến không có phản ứng nguy hiểm xảy ra khi xử lý và cất trữ theo các quy định.
Phản ứng nguy hiểm	: Phản ứng mạnh với các tác nhân oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	: Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác. Tránh không cho hơi tích tụ. Trong những hoàn cảnh nhất định sản phẩm có thể bốc cháy do tĩnh điện.
Vật liệu không tương thích	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Phân hủy nhiệt phụ thuộc vào các điều kiện. Một hỗn hợp các chất rắn, chất lỏng và chất khí bao gồm cacbon monoxide, cacbon dioxide, sulphur oxide và các hợp chất hữu cơ không xác định có thể được sinh ra khi vật liệu này bị đốt cháy, gia nhiệt hoặc oxy hoá.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- Cơ sở để Đánh giá : Thông tin đã cho là dựa vào kiểm tra sản phẩm.
- Đường tiếp xúc : Phơi nhiễm có thể qua đường hô hấp, nuốt phải, thấm qua da, tiếp xúc với da hoặc mắt và do sơ suất nuốt phải

Độc cấp tính

Sản phẩm:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD 50 Chuột, Đực và cái: >2000 -<= 5000 mg/kg
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự
Hướng dẫn Kiểm tra 423 của OECD
Chất thử: butan-2-ol
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

- Độc tính cấp qua da : LD 50 Thỏ, con đực: > 10 ml/kg/bw
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự
Hướng dẫn Kiểm tra 402 của OECD
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

- Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Chất thử: butan-2-ol
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Sự tiếp xúc lặp lại có thể làm khô da hay nứt da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

- Loài: Thỏ
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 405 của OECD
Ghi chú: Gây Kích ứng nghiêm trọng với mắt.

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

- Loài: Chuột lang
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Sản phẩm:

- Độc tính gây đột biến gen : Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

trong ống thí nghiệm

Hướng dẫn 471 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 473 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 476 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn 480 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn 482 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Loài thử nghiệm: Chuột nhất Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 474 của OECD

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá

: Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá

: Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Vật liệu	GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại
Methyl ethyl ketone	Không phân loại có tính gây ung thư

Độc tính sinh sản

Sản phẩm:

: Loài: Chuột

Giới tính: Đực và cái

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 416 của OECD

Chất thử: butan-2-ol

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

không được đáp ứng

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, con cái
Lộ trình ứng dụng: Hít phải
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự
Hướng dẫn Kiểm tra 414 của OECD
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

Đường tiếp xúc: Hít phải
Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương
Ghi chú: Có thể gây chóng mặt và chóng mặt.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Có độc tính thấp đối với cơ thể khi có sự tiếp xúc lặp lại.

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Chuột, Đực và cái:
Lộ trình ứng dụng: Hít phải
Không khí kiểm nghiệm: hơi
Phương pháp: (Các) bài kiểm tra tương đương hoặc tương tự Hướng dẫn Kiểm tra 413 của OECD
Các cơ quan đích: không có cơ quan đích cụ thể nào được lưu ý.

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Hít vào phổi khi nuốt vào hay ói ra có thể gây viêm phổi do chất hóa học và nguy hiểm đến tính mạng.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: Có thể có các phân loại của nhiều cơ quan khác theo các khung quy định pháp lý khác nhau.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

- Độc đối với cá (Độc cấp tính) : Ghi chú: Không độc trên thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l
- Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 308 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Ghi chú: Không độc trên thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l
- Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính) : EC50 (*Selenastrum capricornutum* (tảo lục)): 2,029 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Không độc trên thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l
- Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không áp dụng.
- Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không áp dụng.
- Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính) : (*Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*)): 1,150 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 16 h
Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác.
Ghi chú: Không độc trên thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

- Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: 98 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D
Ghi chú: Dễ phân hủy nhanh., Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

- Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy hóa sinh nhiều.
- Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 0.3

Độ linh động trong đất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Sản phẩm:

Tính lưu động : Ghi chú: Tan trong nước.

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn kiểm tra về tính bền vững trong môi trường, tích lũy sinh học và tính độc hại, vì vậy không được xem là PBT hoặc vPvB.

Các thông tin sinh thái khác : Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các qui định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.
Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.
Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm

Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.
Các qui định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

Bao bì nhiễm độc : Làm sạch hoàn toàn thùng chứa.
Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ.
Không đục, cắt hay hàn những bình chứa chưa sạch.
Chuyển các thùng chứa này đến nơi tái chế phuy hoặc tái chế kim loại.

Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.

Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

ADR

Số hiệu UN : 1193
Tên vận chuyển thích hợp : ETHYL METHYL KETONE
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : 3
Số hiệu nguy hiểm : 33
Nguy hại với môi trường : không

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 1193
Tên vận chuyển thích hợp : METHYL ETHYL KETONE
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : 3

IMDG-Code

Số hiệu UN : UN 1193
Tên vận chuyển thích hợp : ETHYL METHYL KETONE
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : 3
Chất ô nhiễm đại dương : không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Nhóm ô nhiễm : Z
Loại tàu : 3; Must be Double Hulled
Tên sản phẩm : Methyl ethyl ketone

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

Thông Tin Thêm : Có thể vận chuyển sản phẩm này trong nitơ. Nitơ là khí không mùi và không màu. Tiếp xúc với không khí giàu nitơ sẽ bị thiếu oxy gây ra ngạt hoặc chết. Nhân viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn khi làm việc trong khoang kín.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ("Thông tư 32").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 104/2009 NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 Quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Thông tư 44/2012/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2012 quy định Danh mục hàng công nghiệp và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AIIC	: Được liệt kê
DSL	: Được liệt kê
IECSC	: Được liệt kê
KECI	: Được liệt kê
ENCS	: Được liệt kê
PICCS	: Được liệt kê
TSCA	: Được liệt kê
TCSI	: Được liệt kê
NZIoC	: Được liệt kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H225	Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H303	Có thể có hại nếu nuốt phải.
H305	Có thể gây nguy hiểm nếu nuốt hoặc hít phải.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox.	Độc cấp tính
Asp. Tox.	Nguy hại hô hấp
Eye Irrit.	Kích ứng mắt
Flam. Liq.	Chất lỏng dễ cháy
STOT SE	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Chữ viết tắt và từ viết tắt

AICS - Kiểm kê Hóa chất Australia; AIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Methyl Ethyl Ketone

Phiên bản 6.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 30.10.2020

Ngày in 03.09.2022

Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin khác

- Tư vấn về đào tạo : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.
- Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng (I) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh (sửa đổi) so với phiên bản trước đây.
- Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272/2008, v.v.).

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI